

Số: 351 /QĐ-STNMT

Bình Phước, ngày 15 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Huỷ GCNQSD đất (cũ) và cấp lại GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hưng Thịnh.

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính Công, Văn phòng Đăng ký Đất đai, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Ngành Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước,



Xét đề nghị của Văn phòng đăng ký đất đai tại Tờ trình số: 400 /TTr-VPĐKĐĐ ngày 13 / 9 /2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Huỷ 59 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hưng Thịnh do UBND tỉnh Bình Phước cấp ngày 31/5/2016, (kèm theo Biểu 1).

- Lý do huỷ: Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hưng Thịnh đã làm mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Điều 2. Cấp lại 59 GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với diện tích 2.748,8 m² (Hai nghìn bảy trăm bốn mươi tám phẩy tám mét vuông) cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hưng Thịnh, (kèm theo Biểu 2).

- Khu đất tọa lạc tại: xã Tiến Hưng, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Vị trí, tứ cận khu đất: Được xác định theo 59 Mảnh trích lục bản đồ địa chính tỷ lệ 1/200 do Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện ngày 05/5/2022.

- Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn.

- Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 08/4/2066.

- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

- Nguồn gốc đất: Thuộc đất của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hưng Thịnh đã được UBND tỉnh Bình cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 31/5/2016.

Điều 3. Sau khi có Quyết định cấp lại GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hưng Thịnh; các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Văn phòng Đăng ký Đất đai:

- Huỷ GCNQSD đất nêu tại Biểu 1 và chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

2. Trung tâm Phục vụ Hành chính Công:

- Thông báo cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hưng Thịnh nộp phí và lệ phí theo quy định.

- Trao GCNQSD đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hưng Thịnh sau khi Công ty đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

3. Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo đơn vị chuyên môn đưa Quyết định này lên Công thông tin điện tử của Sở.

Điều 4. Các ông (bà) Chánh Văn phòng Sở, Chi cục trưởng Chi cục quản lý đất đai, Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai, Chủ tịch UBND Thành phố Đồng



Xoài, Chủ tịch UBND xã Tiến Hưng, Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hưng Thịnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- VP UBND tỉnh;
- TT PVHC Công;
- Như điều 3;
- Lưu: VT. Nhan

K.T. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Diệp Trường Vũ





**DANH SÁCH 1: HUY GCNQSD ĐẤT ĐÃ CẤP CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HƯNG THỊNH**

(Kèm theo Tờ trình số: 351/TTr-VPĐKKĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022
của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Phước)

STT	Số Seri	Ngày cấp	Số Thửa	Mục Đích	Diện Tích (m ²)
1	CD 739969	31/5/2016	347	ONT	65,0
2	CD 739971	31/5/2017	349	ONT	65,0
3	CD 607890	31/5/2018	42	ONT	48,0
4	CD 607904	31/5/2019	56	ONT	49,5
5	CD 607900	31/5/2020	52	ONT	48,0
6	CD 607907	31/5/2021	73	ONT	44,0
7	CD 607959	31/5/2022	78	ONT	44,0
8	CD 739804	31/5/2023	322	ONT	40,0
9	CD 607999	31/5/2024	278	ONT	40,0
10	CD 607851	31/5/2025	311	ONT	40,7
11	CD 607898	31/5/2026	50	ONT	48,0
12	CD 607896	31/5/2027	48	ONT	48,0
13	CD 607876	31/5/2028	28	ONT	48,0
14	CD 607886	31/5/2029	38	ONT	47,9
15	CD 607957	31/5/2030	320	ONT	39,5
16	CD 607908	31/5/2031	74	ONT	44,0
17	CD 739803	31/5/2032	321	ONT	39,4
18	CD 739809	31/5/2033	327	ONT	39,5
19	CD 739808	31/5/2034	326	ONT	40,0
20	CD 607902	31/5/2035	54	ONT	47,9
21	CD 607888	31/5/2036	40	ONT	48,0
22	CD 607884	31/5/2037	36	ONT	48,0
23	CD 607882	31/5/2038	34	ONT	48,0
24	CD 607878	31/5/2039	30	ONT	48,0
25	CD 607892	31/5/2040	44	ONT	48,0
26	CD 607894	31/5/2041	46	ONT	48,0
27	CD 607872	31/5/2042	24	ONT	48,0
28	CD 607870	31/5/2043	22	ONT	47,9
29	CD 607857	31/5/2044	9	ONT	46,1
30	CD 607858	31/5/2045	10	ONT	48,0
31	CD 607856	31/5/2046	8	ONT	48,0
32	CD 607862	31/5/2047	14	ONT	48,0
33	CD 607880	31/5/2048	32	ONT	48,0
34	CD 607874	31/5/2049	26	ONT	48,0
35	CD 607897	31/5/2050	49	ONT	54,9



36	CD 607899	31/5/2051	51	ONT	55,4
37	CD 607895	31/5/2052	47	ONT	54,5
38	CD 607893	31/5/2053	45	ONT	54,0
39	CD 607891	31/5/2054	43	ONT	53,6
40	CD 607889	31/5/2055	41	ONT	53,2
41	CD 607887	31/5/2056	39	ONT	52,7
42	CD 607883	31/5/2057	35	ONT	51,8
43	CD 607917	31/5/2058	111	ONT	40,0
44	CD 607953	31/5/2059	316	ONT	44,1
45	CD 607998	31/5/2060	277	ONT	40,0
46	CD 608000	31/5/2061	279	ONT	40,0
47	CD 607962	31/5/2062	81	ONT	39,5
48	CD 739806	31/5/2063	324	ONT	44,0
49	CD 607972	31/5/2064	124	ONT	39,9
50	CD 607967	31/5/2065	119	ONT	40,0
51	CD 739807	31/5/2066	325	ONT	44,0
52	CD 607985	31/5/2067	221	ONT	40,0
53	CD 607960	31/5/2068	79	ONT	44,0
54	CD 739914	31/5/2069	341	ONT	44,0
55	CD 739865	31/5/2070	90	ONT	44,0
56	CD 739866	31/5/2071	91	ONT	39,4
57	CD 607854	31/5/2072	6	ONT	55,5
58	CD 739913	31/5/2073	340	ONT	43,9
59	CD 739895	31/5/2074	245	ONT	40,0
TỔNG					2.748,8

**DANH SÁCH 2: GCNQSD ĐẤT CẤP LẠI CHO CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
TÀI CHÍNH HƯNG THỊNH**
(Kèm theo Tờ trình số: 35/VTTr-VPĐKKĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022
của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Phước)

STT	Số Seri	Số Thửa	Mục Đích	Diện Tích (m ²)
1	DH 946724	347	ONT	65,0
2	DH 946725	349	ONT	65,0
3	DH 946726	42	ONT	48,0
4	DH 946727	56	ONT	49,5
5	DH 946728	52	ONT	48,0
6	DH 946729	73	ONT	44,0
7	DH 946730	78	ONT	44,0
8	DH 946731	322	ONT	40,0
9	DH 946732	278	ONT	40,0
10	DH 946733	311	ONT	40,7
11	DH 946734	50	ONT	48,0
12	DH 946735	48	ONT	48,0
13	DH 946736	28	ONT	48,0
14	DH 946737	38	ONT	47,9
15	DH 946738	320	ONT	39,5
16	DH 946739	74	ONT	44,0
17	DH 946740	321	ONT	39,4
18	DH 946741	327	ONT	39,5
19	DH 946742	326	ONT	40,0
20	DH 946743	54	ONT	47,9
21	DH 946744	40	ONT	48,0
22	DH 946745	36	ONT	48,0
23	DH 946746	34	ONT	48,0
24	DH 946747	30	ONT	48,0
25	DH 946748	44	ONT	48,0
26	DH 946749	46	ONT	48,0
27	DH 946750	24	ONT	48,0
28	DH 946751	22	ONT	47,9
29	DH 946752	9	ONT	46,1
30	DH 946753	10	ONT	48,0
31	DH 946754	8	ONT	48,0
32	DH 946755	14	ONT	48,0
33	DH 946756	32	ONT	48,0
34	DH 946757	26	ONT	48,0
35	DH 946758	49	ONT	54,9

36	DH 946759	51	ONT	55,4
37	DH 946760	47	ONT	54,5
38	DH 946761	45	ONT	54,0
39	DH 946762	43	ONT	53,6
40	DH 946763	41	ONT	53,2
41	DH 946764	39	ONT	52,7
42	DH 946765	35	ONT	51,8
43	DH 946766	111	ONT	40,0
44	DH 946767	316	ONT	44,1
45	DH 946768	277	ONT	40,0
46	DH 946769	279	ONT	40,0
47	DH 946770	81	ONT	39,5
48	DH 946771	324	ONT	44,0
49	DH 946772	124	ONT	39,9
50	DH 946773	119	ONT	40,0
51	DH 946774	325	ONT	44,0
52	DH 946775	221	ONT	40,0
53	DH 946776	79	ONT	44,0
54	DH 946777	341	ONT	44,0
55	DH 946778	90	ONT	44,0
56	DH 946779	91	ONT	39,4
57	DH 946780	6	ONT	55,5
58	DH 946781	340	ONT	43,9
59	DH 946782	245	ONT	40,0
TỔNG				2.748,8